

Số: 48/2020/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 07 năm 2020 giữa:

NgU đơn: Chị M sinh năm 1990; địa chỉ xóm 10A, xã KN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh T sinh năm 1989; địa chỉ xóm 10A, xã KN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 07 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/07/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị M và anh T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị M và anh T cùng trình bày vợ chồng có 02 con là cháu U sinh ngày 16/06/2012 và cháu H sinh ngày 13/04/2014. Chị M và anh T thỏa thuận giao cháu U cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu U trưởng thành; giao cháu H cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu U được sống chung với anh T và chị M có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu U; anh T không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc cháu U.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H được sống chung với chị M và anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu H; chị M không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu H.

Về tài sản: Chị M và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị M và anh T thỏa thuận chị M chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002218 ngày 07/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị M được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KN
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực